**DỰ THẢO**

****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**QCVN xxxx: 2020/BGTVT**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA**

**VỀ HỆ THỐNG THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI**

**TỪ TÀU BIỂN TẠI CẢNG BIỂN**

***National Technical Regulation   
on Port Collection and Treatment Facilities***

**HÀ NỘI - 2020**

**Lời nói đầu**

QCVN xxxx:2020/BGTVT do Cục Hàng hải Việt Nam biên soạn, Vụ Môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số /2020/TT-BGTVT ngày tháng năm 2020.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA   
VỀ HỆ THỐNG THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI**

**TỪ TÀU BIỂN TẠI CẢNG BIỂN**

**National Technical Regulation   
on Port Collection and Treatment Facilities**

**MỤC LỤC**

[PHẦN I.](#_Toc51831928) [QUY ĐỊNH CHUNG………………………………………………..5](#_Toc51831929)

[1. Phạm vi điều chỉnh……………………………………………………….. 5](#_Toc51831930)

[2. Đối tượng áp dụng…………………………………………………………5](#_Toc51831931)

[3. Các tài liệu viện dẫn……………………………………………………….5](#_Toc51831932)

[PHẦN II.](#_Toc51831933) [QUY ĐỊNH KỸ THUẬT…………………………………………….8](#_Toc51831934)

[1. Trang thiết bị tiếp nhận chất thải từ tàu biển……………………………8](#_Toc51831935)

[2. Phương tiện thu gom chất thải từ tàu biển……….……....…………...10](#_Toc51831936)

[3. Khu vực lưu giữ chất thải từ tàu biển tại cảng biển, bến cảng………11](#_Toc51831937)

[PHẦN III](#_Toc51831938). [QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ…………………………..……………12](#_Toc51831939)

[PHẦN IV.](#_Toc51831942) [TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN………...…13](#_Toc51831943)

[1 Trách nhiệm của doanh nghiệp thu gom chất thải từ tàu biển tại cảng biển………………………….……………..…………………………………. 13](#_Toc51831944)

[2 Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải……………………………………..13](#_Toc51831945)

[3 Trách nhiệm của Cục Hàng hải Việt Nam………………………………13](#_Toc51831946)

PHẦN V. [TỔ CHỨC THỰC HIỆN…...……………………………………..14](#_Toc51831947)

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA   
VỀ HỆ THỐNG THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI**

**TỪ TÀU BIỂN TẠI CẢNG BIỂN**

# 

# PHẦN i

# QUY ĐỊNH CHUNG

## 1. Phạm vi điều chỉnh

1.1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống thu gom và xử lý chất thải từ tàu biển tại cảng biển (sau đây gọi tắt là Quy chuẩn) quy định các yêu cầu kỹ thuật về hệ thống thu gom và xử lý chất thải từ tàu biển tại cảng biển theo yêu cầu tại các Quy định 38 Phụ lục I, Quy định 18 Phụ lục II, Quy định 12 Phụ lục IV, Quy định 8 Phụ lục V, quy định 17 Phụ lục VI Công ước MARPOL.

1.2. Hệ thống thu gom và xử lý chất thải từ tàu biển tại cảng biển phải phù hợp với Quy chuẩn này, tuân theo các quy định tại Nghị quyết MEPC.83(44) ngày 13/3/2000 của Ủy ban bảo vệ môi trường biển và phù hợp với các quy định pháp luật khác có liên quan.

1.3. Việc thu gom và xử lý chất thải từ các phương tiện khác hoạt động trong vùng nước cảng biển cũng được áp dụng theo các quy định của Quy chuẩn này.

## 2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân Việt Nam và nước ngoài thực hiện hoạt động thu gom và xử lý chất thải từ tàu biển tại cảng biển Việt Nam.

## 3. Các tài liệu viện dẫn

3.1. Nghị định số [38/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-38-2015-nd-cp-quan-ly-chat-thai-va-phe-lieu-272929.aspx) ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

3.2. Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

3.3. Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

3.4. Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại”.

3.5. Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BKHCN ngày 28/8/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức tự đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3.6. Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra, được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định thư liên quan.

3.7. Nghị quyết MEPC.83(44) ngày 13/3/2000 của Ủy ban bảo vệ môi trường biển, Tổ chức Hàng hải quốc tế.

**4. Giải thích thuật ngữ và viết tắt**

Trong Quy chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau đây:

4.1. Chất thải từ tàu thuyền bao gồm rác thải, nước bẩn, nước lẫn cặn dầu và chất lỏng độc hại khác phát sinh trong hoạt động của tàu thuyền.

4.2. Rác thải bao gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động của tàu thuyền.

4.3. Chất thải rắn sinh hoạt là các loại chất thải thực phẩm đã qua sử dụng và chất thải rắn khác phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của thuyền viên và hành khách trên tàu thuyền.

4.4. Chất thải rắn nguy hại là chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của tàu thuyền có chứa thành phần nguy hại như: giẻ lau chứa dầu, sơn, vụn sơn, cặn lọc khí xả, cặn hàng hóa nguy hiểm và các chất thải rắn khác thuộc danh mục chất thải nguy hại quy định tại Phụ lục 1 Thông tư số [36/2015/TT-BTNMT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-36-2015-tt-btnmt-quan-ly-chat-thai-nguy-hai-282119.aspx) ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

4.5. Chất thải rắn công nghiệp thông thường là các loại chất thải rắn phát sinh từ hoạt động làm hàng và khai thác vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa tàu thuyền, ngoại trừ chất thải rắn nguy hại.

4.6. Nước bẩn là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất được thải từ: nhà vệ sinh, nhà tiểu; chậu rửa, bồn tắm, lỗ thoát nước ở buồng y tế; buồng chứa động vật sống trên tàu thuyền và các hỗn hợp nước khác khi hòa lẫn với những loại nước nêu trên.

4.7. Hệ thống thu gom chất thải từ tàu: bao gồm phương tiện thu gom và thiết bị tiếp nhận chất thải từ tàu.

4.8. IMO (International Maritime Organization): Tổ chức Hàng hải quốc tế.

4.9. MARPOL (International Convention for the Prevention of Pollution from Ships): Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra, được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định thư liên quan.

4.10. GT (Gross Tonnage): Tổng dung tích.

4.11. MEPC (Maritime Environment Protection Committee): Ủy ban bảo vệ môi trường biển.

4.12. Bích nối tiêu chuẩn (Standard Discharge Connection): Để đảm bảo việc nối đường ống của trang thiết bị tiếp nhận với đường ống xả của tàu.

# PHẦN ii

# QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

## 1. Thiết bị tiếp nhận chất thải từ tàu biển

*1.1. Thiết bị tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường*

1.1.1. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ tàu biển phải đáp ứng theo quy định tại Điểm 1, Phần A, Phụ lục II, Khoản 2, Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP.

1.1.2. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ tàu biển phải đáp ứng theo quy định tại Điểm 1, Phần A, Phụ lục III, Khoản 3, Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP.

*1.2. Bao bì và thiết bị tiếp nhận chất thải nguy hại*

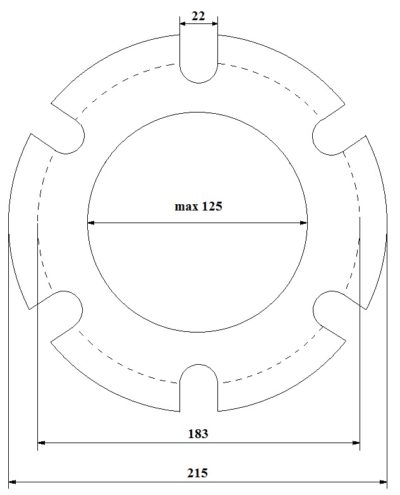
Bao bì và thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng theo quy đinh tại Điểm 1, 2 Mục B Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

*1.3. Đường ống, bích nối*

1.3.1 Đường ống nối tiếp nhận nước lẫn cặn dầu phải được làm bằng vật liệu không cháy, phải nguyên vẹn, không bị rách, thủng, hư hỏng và được trang bị bích nối tiêu chuẩn phù hợp với quy định tại Bảng 1 để kết nối với đường ống của tàu thuyền.

**Bảng 1 - Các kích thước của bích nối tiêu chuẩn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên gọi** | **Kích thước** |
| Đường kính ngoài | 215 mm |
| Đường kính trong | Đường kính tương ứng một cách hợp lý với đường kính ngoài |
| Đường kính vòng tròn lăn | 183 mm |
| Rãnh khía (lỗ bắt bu lông) trên mặt bích nối | Phải khoan 6 lỗ đường kính 22 mm ở trên đường kính vòng tròn lăn tại các khoảng cách góc bằng nhau và phải gia công các rãnh rộng 22 mm từ các lỗ này thấu tới vành ngoài của bích nối |
| Chiều dày bích | 20 mm |
| Số lượng và đường kính của các bu lông và đai ốc với chiều dày thích hợp | 6 bộ đường kính 20 mm |
| Bích này được thiết kế cho các ống có đường kính trong tối đa là 125 mm và được chế tạo bằng thép hoặc vật liệu tương đương có mặt đầu phẳng. Bích này cùng với đệm làm kín bằng vật liệu chịu dầu và phải chịu được áp lực làm việc 600kPa. | |

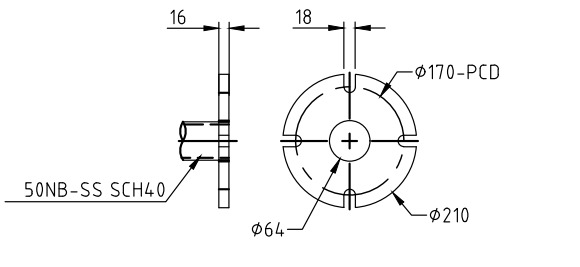


**Hình 1. Bích nối tiêu chuẩn**

1.3.2. Đường ống nối tiếp nhận nước thải từ tàu biển phải nguyên vẹn, không bị rách, thủng, hư hỏng và được trang bị bích nối phù hợp với quy định tại Bảng 2.

**Bảng 2 - Kích thước tiêu chuẩn của bích nối thải**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên gọi** | **Kích thước** |
| Đường kính ngoài | 210 mm |
| Đường kính trong | Tương ứng với đường kính ngoài của ống |
| Đường kính vòng tròn đi qua tâm các bu lông | 170 mm |
| Rãnh khoét ở bích nối | 4 lỗ có đường kính 18 mm được bố trí đều nhau theo đường tròn qua tâm các lỗ bắt bu lông, với đường kính như trên và có các rãnh khoét tới mép ngoài của bích. Chiều rộng của rãnh 18 mm |
| Chiều dày bích nối | 16 mm |
| Bu lông, đai ốc: Số lượng và đường kính | 4 chiếc, mỗi chiếc có đường kính 16 mm và chiều dài thích hợp |
| Bích dùng cho đường ống có đường kính trong tới 100 mm và được chế tạo bằng thép hoặc vật liệu tương đương có mặt ngoài phẳng. Bích này cùng với đệm làm kín thích hợp phù hợp cho việc sử dụng ở áp suất 600 kPa. Đối với tàu có chiều cao mạn lý thuyết từ 5m trở xuống, đường kính trong của bích nối có thể bằng 38 mm. | |

****

**Hình 2. Bích nối thải tiêu chuẩn**

1.3.3. Đường ống bơm chất thải từ tàu được lắp đặt các thiết bị sau: thiết bị đo lưu lượng và thể tích để giám sát chỉ số lưu lượng và thể tích trong suốt quá trình bơm nhằm kiểm soát lượng chất thải từ tàu; hệ thống van kiểm soát áp suất và lưu lượng để đảm bảo không xảy ra tình trạng quá áp, tràn chất thải.

1.3.4. Đối với các bến cảng chuyên dùng phục vụ cho các tàu chở hóa chất, hệ thống đường ống bơm, hút hóa chất được trang bị theo tiêu chuẩn quốc tế hoặc sử dụng hệ thống đường ống hút hóa chất chuyên dụng phù hợp khác.

## 2. Phương tiện thu gom chất thải từ tàu biển

*2.1. Phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ tàu biển và nước bẩn từ tàu biển*

Các phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp từ tàu biển và nước bẩn từ tàu biển phải đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

*2.2. Phương tiện thu gom chất thải nguy hại, nước lẫn cặn dầu, chất lỏng độc hại khác từ tàu biển*

Các phương tiện thu gom chất thải nguy hại, nước lẫn cặn dầu, chất lỏng độc hại khác từ tàu biển phải đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

## 3. Khu vực lưu giữ và xử lý chất thải từ tàu biển tại cảng biển, bến cảng

*3.1. Khu vực lưu giữ và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường từ tàu biển tại cảng biển, bến cảng*

3.1.1. Khu vực lưu giữ và xử lý chất thải sinh hoạt phải đáp ứng theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

3.1.2. Khu vực lưu giữ và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng theo quy đinh của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

*3.2 Khu vực lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại tại cảng biển, bến cảng*

Khu vực lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại phải đáp ứng theo quy định của Nghị định số [38/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-38-2015-nd-cp-quan-ly-chat-thai-va-phe-lieu-272929.aspx) và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

# pHẦN III

# QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

## 1. Các doanh nghiệp thu gom và xử lý chất thải thực hiện tự công bố hợp quy theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BKHCN.

## 2. Việc đánh giá hợp chuẩn, hợp quy được thực hiện bởi Tổ chức chứng nhận theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

# pHẦN IV

# TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

## 1 Trách nhiệm của doanh nghiệp thu gom và xử lý chất thải từ tàu biển tại cảng biển

1.1 Thực hiện đầy đủ các quy định liên quan nêu trong Quy chuẩn này.

1.2 Tuân thủ các quy định về kiểm tra của các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## 2 Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải

2.1 Thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận chất thải từ tàu biển theo quy định của Quy chuẩn này.

2.2 Xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính về thu gom, tiếp nhận chất thải từ tàu biển tại cảng biển.

2.3 Thông báo cho Cục Hàng hải Việt Nam các trường hợp thiết bị tiếp nhận không phù hợp và không sẵn sàng cho việc tiếp nhận chất thải từ tàu biển tại cảng biển Việt Nam.

## 3 Trách nhiệm của Cục Hàng hải Việt Nam

3.1 Thông báo cho IMO các trường hợp thiết bị tiếp nhận không phù hợp và không sẵn sàng cho việc tiếp nhận chất thải từ tàu biển tại cảng biển Việt Nam.

3.2 Tổ chức tuyên truyền phổ biến, chỉ đạo thực hiện các quy định của Quy chuẩn này.

**PHẦN** **V**

# TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1.** Cục Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến, hướng dẫn áp dụng QCVN xxx:2020/BGTVT cho các đối tượng có liên quan.

**2.** Trong trường hợp các tài liệu được viện dẫn trong Quy chuẩn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo nội dung đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có hiệu lực của tài liệu đó.

**3.** Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chuẩn này, nếu có vướng mắc, các ý kiến gửi về Vụ Môi trường (Bộ Giao thông vận tải) và Cục Hàng hải Việt Nam để được hướng dẫn và xử lý.